

Số: 710 /BC-VHXH

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 12 năm 2022

## BÁO CÁO

### **Kết quả giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022**

Thực hiện chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2022, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2022. Trên cơ sở nghiên cứu báo cáo của các đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; giám sát trực tiếp tại Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện: Triệu Sơn, Yên Định, Ngọc Lặc, Hoằng Hóa, thị xã Bỉm Sơn và thành phố Thanh Hóa; Ban Văn hóa - Xã hội báo cáo HĐND tỉnh kết quả giám sát như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH CHUNG**

##### **1. Quy mô trường, lớp học trên địa bàn tỉnh năm học 2022 - 2023**

###### **1.1. Các trường công lập**

Nhìn chung, mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã được rà soát, sắp xếp lại đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Năm học 2022 - 2023, trên địa bàn tỉnh có 1.965 trường với 29.367 lớp/nhóm lớp, 891.660 trẻ/học sinh, 51.249 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Cụ thể như sau:

Bậc học mầm non: Có 638 trường, 8.970 lớp/nhóm lớp, 209.133 trẻ/học sinh, 16.693 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Bậc học tiểu học: Có 597 trường, 11.753 lớp, 357.452 học sinh, 15.864 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Bậc học trung học cơ sở: Có 616 trường, 6.022 lớp, 216.300 học sinh, 12.804 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó có 73 trường liên cấp TH&THCS). Bậc học trung học phổ thông: Có 88 trường, 2.351 lớp, 97.728 học sinh, 5.363 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó có 8 trường liên cấp THCS&THPT). Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp: 26 Trung tâm, 271 lớp, 11.047 học viên, 525 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Về cán bộ, giáo viên, nhân viên các cấp học: Hiện nay, toàn tỉnh còn thiếu 8.968 người so với quy định tại Thông tư liên tịch số 06/TTLT/BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ; còn thiếu 6.407 người so với quy định tại Quyết định 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh. Các môn học thiếu nhiều, gồm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Tiếng Anh. Hiện nay toàn ngành giáo dục và đào tạo có 81,4 % cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ đạt chuẩn (đạt chuẩn theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019: trình độ từ cao đẳng trở lên đối với giáo viên mầm non và trình độ từ đại học trở lên đối với giáo viên

phổ thông). Đa số cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng những yêu cầu của đổi mới giáo dục, sẵn sàng tham gia tập huấn, bồi dưỡng để triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Về cơ sở vật chất: Hiện tại, có tổng số 26.159 phòng học, trong đó có 6.796 phòng học mầm non, 10.898 phòng học tiểu học, 5.891 phòng học THCS và 2.574 phòng học THPT. Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa đạt 87,7%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 81,78%. Cơ sở vật các trường học đã được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố và đạt chuẩn quốc gia. Hiện tại, hầu hết các nhà trường đã có đủ trang thiết bị dạy học tối thiểu, đảm bảo đủ phòng học, phòng học chức năng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

## **1.2. Các trường ngoài công lập**

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 60 trường với 861 lớp, 22.704 trẻ/học sinh, 2.251 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong đó:

Bậc học mầm non: Có 41 trường, 483 lớp/nhóm, 11.843 trẻ/học sinh, 1.449 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Bậc học tiểu học: Có 6 trường, 200 lớp, 4.716 học sinh, 388 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Bậc học trung học cơ sở: Có 2 trường, 51 lớp, 1.381 học sinh, 114 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Bậc học trung học phổ thông: Có 11 trường, 127 lớp, 4.764 học sinh, 300 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó có 5 trường liên cấp TH, THCS&THPT).

Năm học 2022 - 2023 so với năm học 2018 - 2019, hệ thống công lập tăng 15 trường, trong đó: Mầm non tăng 9 trường, 71 lớp, 1.619 học sinh; tiểu học tăng 2 trường, 75 lớp, 1.707 học sinh; trung học cơ sở tăng 24 lớp, 586 học sinh; phổ thông liên cấp, có cấp học cao nhất là THPT tăng 04 trường, 21 lớp, 755 học sinh.

Các trường ngoài công lập trên địa bàn nằm ở vị trí thuận lợi, được quy hoạch tổng thể, khuôn viên xanh, sạch, đẹp; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ theo định hướng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay, có 16 trường đạt chuẩn quốc gia, 100% các phòng lớp học, phòng bộ môn, khu hành chính quản trị đã được kiên cố hóa; đa số các phòng học được trang bị các thiết bị dạy học hiện đại, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí.

## **2. Chất lượng giáo dục giai đoạn 2018 - 2022**

### **2.1. Chất lượng giáo dục toàn diện**

Năm học 2018 - 2019, toàn tỉnh có 1.439/2.076 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 69,32%, trong đó, mầm non 446/681 trường, tiểu học 550/650 trường; tiểu học & trung học cơ sở, trung học cơ sở là 410/642 trường, trung học phổ thông 35/103 trường; đến năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh có 1.656/2.025 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 81,78%, trong đó: mầm non 551/679 trường, tiểu học 541/603 trường, trung học cơ sở 511/618 trường, trung học phổ thông 53/99 trường.

+ Về giáo dục mầm non: Quy mô trường, lớp được mở rộng, tỷ lệ trẻ, nhà trẻ đến trường tăng rõ rệt (năm học 2018 - 2019: 27,4%, năm học 2021 - 2022 tăng lên 67,2%); chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ chuyển biến tốt, số trường tổ chức bán trú đạt tỷ lệ 99,6%; 100% trường mầm non thực hiện chương trình giáo dục mầm non, số trẻ học 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 99,8%.

+ Về giáo dục phổ thông: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tăng theo từng năm học: Năm học 2018 - 2019 đạt tỷ lệ 92,39%, điểm thi tốt nghiệp THPT xếp thứ 46 toàn quốc, đến năm học 2021 - 2022 đạt tỷ lệ 98,46%; điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là 6,347 điểm, xếp ở vị trí thứ 27 trong tổng số 63 tỉnh, thành phố (tăng 5 bậc so với năm 2021, tăng 19 bậc so với năm 2019), luôn là tỉnh có số lượng học sinh đạt điểm 10, học sinh đạt 27 điểm trở lên trong top đầu cả nước. Năm 2022, có 411 lượt thí sinh đạt điểm 10 (cao nhất cả nước), có 1.151 thí sinh đạt 27 điểm trở lên đối với các khối thi truyền thống (A, B, A1, C, D).

## **2.2. Chất lượng giáo dục mũi nhọn**

Chất lượng giáo dục mũi nhọn trên địa bàn tỉnh tiếp tục nằm trong top đầu cả nước; từ năm 2018 - 2019 đến năm học 2021 - 2022 liên tục có học sinh đoạt huy chương quốc tế, khu vực. Trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh có 76 thí sinh tham gia dự thi, kết quả đạt 58 giải (tỷ lệ học sinh đạt giải 76,32%), xếp thứ 6 toàn quốc, trong đó có 01 giải Nhất, 12 giải Nhì, 22 giải Ba, 23 giải Khuyến khích. Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học năm học 2021 - 2022, Thanh Hóa có 01 giải Ba. Tại cuộc thi Olympic Toán học quốc tế năm 2022, Thanh Hóa có 01 Huy chương Bạc.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Cơ chế, chính sách của Trung ương đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập**

Trung ương đã ban hành các cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập, cụ thể: Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, hiện nay UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về quy định mức

hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 16/11/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **2. Cơ chế, chính sách của tỉnh**

### **2.1. Chính sách về miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập**

Thực hiện Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND ngày 17/12/2011 về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, từ năm 2012 đến nay có 22 dự án của 19 doanh nghiệp thực hiện đầu tư xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo được miễn, giảm tiền thuê đất, lệ phí trước bạ và ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng số tiền sử dụng đất, thuê đất được miễn, giảm của 22 dự án là 134.009,3 triệu đồng. Cụ thể:

- Có 06 dự án của 5 doanh nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất đối với hình thức nộp tiền một lần cho cả thời hạn thuê đất, với số tiền thuê đất được miễn, giảm là 132.714 triệu đồng. Trong đó: Có 01 dự án của 01 doanh nghiệp được miễn tiền thuê đất, với số tiền 7.719,8 triệu đồng; có 01 dự án của 01 doanh nghiệp được giảm 80% tiền thuê đất, với số tiền 5.932 triệu đồng; có 04 dự án của 03 doanh nghiệp được giảm 60% tiền thuê đất, với số tiền 119.062,2 triệu đồng.

- Có 16 dự án của 14 doanh nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất với hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm, với số tiền 1.295,3 triệu đồng. Trong đó: có 07 dự án của 05 doanh nghiệp được miễn tiền thuê đất, với số tiền 414,2 triệu đồng; có 01 dự án của 01 doanh nghiệp được giảm 80% tiền thuê đất, với số tiền 70,3 triệu đồng; có 08 dự án của 08 doanh nghiệp được giảm 60% tiền thuê đất, với số tiền 810,8 triệu đồng.

*(Có Phụ lục I đính kèm)*

Giai đoạn từ năm 2012 - 2022, việc thực hiện các chính sách thuế để khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Thông tư số 135/2008/TT-BTC được triển khai kịp thời, nghiêm túc, đúng quy định. Trong đó nhà, đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo được miễn lệ phí trước bạ, đồng thời các cơ sở trên được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu



nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm tiếp theo theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Thông tư số 135/2008/TT-BTC. Việc tạo điều kiện và khuyến khích xã hội hóa được thực hiện đúng văn bản quy định góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

## **2.2. Chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non ngoài công lập**

Để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông nhằm giảm quá tải của các trường công lập, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm: Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 về việc ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2033.

Thực hiện các Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND, giai đoạn 2018 - 2022, có 9 trường mầm non ngoài công lập được hỗ trợ, với số tiền 5.611,3 triệu đồng. Cụ thể:

Năm học 2018 - 2019: Có 02 trường được hỗ trợ với 32 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên với tổng kinh phí 861,7 triệu đồng (trong đó hỗ trợ lương 717,7 triệu đồng, hỗ trợ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn 144 triệu đồng).

Năm học 2019 - 2020: Có 05 trường được hỗ trợ với 79 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên với tổng kinh phí 1.885,6 triệu đồng (trong đó hỗ trợ lương 1.581,6 triệu đồng, hỗ trợ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn 304 triệu đồng).

Năm học 2020 - 2021: Có 08 trường được hỗ trợ với 120 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên với tổng kinh phí 2.864 triệu đồng (trong đó hỗ trợ lương 2.373,5 triệu đồng, hỗ trợ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn 490,5 triệu đồng).

Năm học 2021 - 2022: Có 08 trường được hỗ trợ với 114 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (hiện nay UBND tỉnh chưa có Quyết định phê duyệt kinh phí cho các trường và các đối tượng).

*(Có Phụ lục II, Phụ lục III đính kèm)*

*Đánh giá chung: Trong những năm qua, thực hiện các văn bản của Trung ương, của tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển giáo dục - đào tạo nói chung và giáo dục ngoài công lập nói riêng, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung tuyên truyền thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án phát triển giáo dục; đồng thời hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, giúp các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình thuộc đối tượng được hưởng chính sách xã hội hóa trên địa bàn tỉnh. Công tác huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển giáo dục đã đạt được những kết quả nhất định, quy mô, mạng lưới các trường ngoài công lập luôn tiếp tục được mở rộng, nền nếp, kỷ cương trong quản lý, tổ chức hoạt động được chú trọng, chất lượng dạy và học được nâng cao; nhiều trường mầm non có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; đội ngũ giáo viên nhiệt tình, chuyên*

*tường, góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và giảm tải cho các trường công lập, thu hút ngày càng nhiều học sinh vào học, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của học sinh trên địa bàn tỉnh.*

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập chưa đủ mạnh để thu hút được nhiều nhà đầu tư xây dựng các trường mầm non ngoài công lập.

- Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND thực hiện từ năm 2012, đến nay một số nội dung không còn phù hợp.

- Các trường mầm non ngoài công lập chủ yếu được đầu tư trên địa bàn các phường thuộc thành phố Thanh Hóa nhưng lại không thuộc đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Vì vậy, sau 4 năm thực hiện toàn tỉnh chỉ có 9 trường được hưởng chính sách; chưa thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trường trên địa bàn các huyện miền núi (chỉ có 02 trường thành lập và được hưởng chính sách).

- Theo quy định tại Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND, thời gian thụ hưởng chính sách của các trường mầm non ngoài công lập đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/12/2020, còn đối với Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND là từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2023 là quá ngắn, do vậy số trường mầm non ngoài công lập được hưởng chính sách còn ít.

- Kinh phí hỗ trợ năm học 2021 - 2022 cho các trường, các đối tượng theo Nghị quyết 82/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết 386/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thực hiện chậm. Đến nay, UBND tỉnh mới có Quyết định phê duyệt danh sách các trường mầm non và cán bộ quản lý, giáo viên trường mầm non ngoài công lập đủ điều kiện được hỗ trợ; chưa có Quyết định phê duyệt kinh phí.

- Việc tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo cho tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách đối với giáo dục nói chung và giáo dục ngoài công lập nói riêng còn ít và chậm.

#### **2. Nguyên nhân**

##### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Cơ chế, chính sách đặc thù của Trung ương và của tỉnh để hỗ trợ cho các cơ sở tư thực vay vốn ưu đãi chưa được nhiều.

- Từ khi có Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ ban hành về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; nhà đầu tư không đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục, do giao đất phải tham gia đấu thầu, vì vậy việc chấp thuận chủ trương đầu tư để xây dựng trường học ngoài công lập khó khăn.

- Thời gian đầu tư cho một dự án lâu, từ khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư cho đến khi làm các thủ tục đầu tư, xây dựng dự án, hoàn

thành dự án để đưa vào hoạt động thường phải mất vài năm, vì vậy số trường mầm non ngoài công lập được hưởng chính sách xã hội hóa ít.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Chính sách hỗ trợ vay vốn ưu đãi cho các nhà đầu tư xây dựng trường ngoài công lập còn ít, chưa thực sự hấp dẫn nên chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư có tiềm lực lớn.

- Chưa xây dựng được quy hoạch mạng lưới các trường phổ thông, mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

- Mức sống của người dân chưa cao, dẫn đến việc cho con, em mình học tập tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập chưa nhiều.

- Các sở, ngành chưa tham mưu cho tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu tiên cho các trường phổ thông ngoài công lập đặc biệt là các trường ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, kinh tế chậm phát triển.

- Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012, đến nay một số nội dung không còn phù hợp do các sở, ngành chưa tích cực tham mưu cho tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Việc triển khai các chế độ chính sách cho các trường ngoài công lập mới được thực hiện trong những năm gần đây, dẫn đến việc các trường thành lập trước thời điểm ban hành Nghị quyết không được thụ hưởng chính sách.

- Nhà đầu tư không đầu tư xây dựng các trường ngoài công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, kinh tế chậm phát triển do đầu tư không hiệu quả.

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với Trung ương**

Đề nghị Chính phủ có cơ chế đặc thù trong việc giao đất, cho thuê đất trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục để kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư phát triển giáo dục, nhằm đạt được mục tiêu đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội hóa theo Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ.

### **2. Đối với HĐND tỉnh**

(1) Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017, Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 theo hướng các trường mầm non ngoài công lập trên địa bàn phường của thành phố Thanh Hóa được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục và kéo dài thêm thời gian được hưởng chính sách.

(2) Ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

(3) Có chính sách hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất hàng năm cho các trường ngoài công lập.

(4) Có chế độ hỗ trợ vay vốn ưu đãi đầu tư cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập.



### **3. Đối với UBND tỉnh**

(1) Đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

(2) Hỗ trợ một phần trang thiết bị dạy học cho các trường ngoài công lập theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như đối với các trường công lập.

(3) Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước có tiềm lực đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục, trung tâm đào tạo chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

### **4. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

(1) Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các cơ chế, chính sách của tỉnh về việc phát triển giáo dục ngoài công lập, nhằm thu hút nhiều hơn nữa các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trường học.

(2) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố quy hoạch, bố trí quỹ đất, tạo điều thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

(3) Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ.

(4) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND; tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 4294/2011/QĐ-UBND. Các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh được chấp thuận chủ trương đầu tư chỉ cần đáp ứng các quy định hiện hành của Chính phủ về loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn và phù hợp với các điều kiện khác thì được xem xét áp dụng cơ chế miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quyết định số 4294/2011/QĐ-UBND, không cần phải nằm trong quy hoạch mạng lưới phát triển ngành được phê duyệt (bỏ ý 1 điểm 3, khoản 1 Điều 1 của Quyết định), ở điều này khi triển khai gây rất khó khăn cho các doanh nghiệp.

(5) Tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, gồm: Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND, Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND.

(6) Tham mưu cho tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

(7) Quan tâm chế độ chính sách cho các trường ngoài công lập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thi đua, khen thưởng cho các nhà trường và đội ngũ giáo viên; quan tâm các quyền lợi chính trị, tinh thần cho cán bộ, giáo viên và học sinh trong các trường ngoài công lập.



(8) **Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.**

### **5. Đối với các huyện, thị xã, thành phố**

(1) **Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chỉ đạo, điều hành của chính quyền đối với phát triển giáo dục ngoài công lập.**

(2) **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các cơ chế, chính sách của tỉnh đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập đến người dân, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nhằm thu hút nhiều hơn nữa các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trường học.**

(3) **Trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải dành riêng quỹ đất thích hợp, thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng các trường học ngoài công lập.**

(4) **Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Trung ương, của tỉnh đối với cơ sở ngoài công lập, đảm bảo công khai, minh bạch.**

(5) **Chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập.**

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022; Ban Văn hóa - Xã hội kính trình HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VH.XH.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI  
TRƯỞNG BAN**



*[Handwritten signature]*

**Đào Xuân Yên**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23/2011/NQ-HĐND NGÀY 17/11/2011 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**  
 (Kèm theo Báo cáo số 740/BC-VHXH ngày 07/12/2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)



**I. Các dự án được miễn, giảm tiền thuê đất đối với hình thức nộp tiền một lần cho các thời hạn thuê đất**

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng đất	Địa chỉ khu đất thuê	Số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Số tiền sử dụng đất, thuê đất được miễn, giảm				Số còn lại nộp ngân sách
					Tổng	Giảm 60%	Giảm 80%	Miễn	
	<b>Dự án giao đất, thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê</b>			<b>216.179,0</b>	<b>132.714,0</b>	<b>119.062,2</b>	<b>5.932,0</b>	<b>7.719,8</b>	<b>82.657,1</b>
1	Trường Phổ thông Triệu Sơn	Xây dựng Trường THPT	Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn	7.719,8				7.719,8	
2	Công ty cổ phần Dịch vụ thương mại và Du lịch Tân Hoàng Hà	Xây dựng Trường mầm non và khu thể thao	Phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn	6.740,0			5.932,0		
3	Tổng công ty đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần	Xây dựng Trường liên cấp Nobel School	Phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa	51.023,0		30.052,6			20.970,5
4	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Minh	Xây dựng Trường Tiểu học và Trường THCS quốc tế chất lượng cao	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	14.141,0		8.230,0			5.911,0
5	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Minh	Xây dựng Trường Tiểu học và Trường THCS quốc tế số 2 (chất lượng cao)	Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa	27.810,7		16.185,6			11.625,1
6	Công ty TNHH MTV Vínchool	Xây dựng Trường Mầm non Vinschool Star City và Trường Phổ thông liên cấp Vinschool Star City	Phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	108.744,5		64.594,0			44.150,5

## II. Các dự án được miễn, giảm tiền thuê đất đối với hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm

DVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng đất	Địa chỉ khu đất thuê	Số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp một năm	Số tiền sử dụng đất, thuê đất được miễn, giảm một năm				Số còn lại nộp ngân sách
					Tổng	Giảm 60%	Giảm 80%	Miễn	
	<b>Dự án thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm</b>			<b>1.856,3</b>	<b>1.295,3</b>	<b>810,8</b>	<b>70,3</b>	<b>414,2</b>	<b>561,0</b>
1	Công ty cổ phần Thành Nam	Xây dựng Trường mầm non	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	52,4				52,4	0,0
2	Công ty cổ phần Buffalo	Xây dựng Trường mầm non	Phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn	90,9			70,3		20,6
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Tân Khai	Xây dựng Trường mầm non	Phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	80,3		48,3			32,0
4	Công ty cổ phần phát triển Giáo dục Đất Việt	Xây dựng Trường mầm non	Phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa	146,6		88,0			58,6
5	Công ty cổ phần Tiến Nam Sơn HN	Xây dựng Trường mầm non	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	85,2		51,1			34,1
6	Công ty cổ phần TH Thăng Long	Xây dựng Trường mầm non	Xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	160,0		96,0			64,0
7	Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh	Xây dựng Trường mầm non	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	493,7		296,2			197,5
8	Công ty cổ phần phát triển giáo dục và cộng đồng Thanh Hóa	Xây dựng Trường mầm non	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	147,6		88,5			59,1
9	Công ty TNHH Tân Phú Khang	Xây dựng Trường chuyên biệt dành cho trẻ tự kỷ Tân Phú Khang	Phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	133,1		79,9			53,2
10	Tổng công ty ĐT Hà Thanh - Công ty CP	Xây dựng Trường Mầm non	Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	47,4				47,4	
11	Tổng công ty đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần	Xây dựng Trường Mầm non tư thực	Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	72,1				72,1	



STT	Tên đơn vị	Mục đích sử dụng đất	Địa chỉ khu đất thuê	Số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp một năm	Số tiền sử dụng đất, thuê đất được miễn, giảm một năm				Số còn lại nộp ngân sách
					Tổng	Giảm 60%	Giảm 80%	Miễn	
12	Tổng công ty đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần	Xây dựng Trường Mầm non tư thực, kết hợp thể thao học đường	Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân	83,4				83,4	
13	Công ty TNHH Tiến Nam Sơn	Xây dựng Trường Mầm non	Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	104,7		62,9			41,8
14	Doanh nghiệp tư nhân xây dựng vật liệu Hữu Nghị	Xây dựng Trường THPT Nông Cống	Xã Trung Chính, huyện Nông Cống	10,6				10,6	
15	Công ty Phát triển giáo dục Minh Thành	Xây dựng Trường mầm non Hoa Hồng	Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn	74,9				74,9	
16	Công ty cổ phần Diên Hồng	Xây dựng Trường quốc tế liên cấp	Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa	73,4				73,4	

**Phụ lục II**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 82/2017/NQ-HĐND**  
**NGÀY 07/12/2017 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số 740 /BC-VHXH ngày 07 /12/2022*  
*của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)*



ĐVT: triệu đồng

STT	Tên trường	Tổng số người được hỗ trợ	Hỗ trợ lương	Hỗ trợ BHXH; BHYT; KPCĐ	Tổng kinh phí
<b>Năm học 2018 - 2019</b>					
1	Trường Mầm non tư thục Nobel, huyện Yên Định	14	265,863	63,000	328,863
2	Trường Mầm non tư thục Họa Mi Delta, huyện Hoằng Hóa	18	451,861	81,000	532,861
	<b>Tổng</b>	<b>32</b>	<b>717,724</b>	<b>144,000</b>	<b>861,724</b>
<b>Năm học 2019 - 2020</b>					
1	Trường Mầm non tư thục Nobel, huyện Yên Định	14	165,211	56,000	221,211
2	Trường Mầm non tư thục Họa Mi Delta, huyện Hoằng Hóa	22	550,704	88,000	638,704
3	Trường Mầm non tư thục Ước Mơ Xanh, huyện Ngọc Lặc	12	225,288	36,000	261,288
4	Trường Mầm non tư thục Nobel, huyện Thọ Xuân	16	276,353	64,000	340,353
5	Trường Mầm non Nobel Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	15	364,036	60,000	424,036
	<b>Tổng</b>	<b>79</b>	<b>1.581,592</b>	<b>304,000</b>	<b>1.885,592</b>
<b>Năm học 2020 - 2021</b>					
1	Trường Mầm non tư thục Nobel, huyện Yên Định	16	131,311	72,000	203,311
2	Trường Mầm non tư thục Họa Mi Delta, huyện Hoằng Hóa	21	584,944	94,500	679,444
3	Trường Mầm non Delta, huyện Hoằng Hóa	5	147,242	22,500	169,742
4	Trường Mầm non Camellia, huyện Hoằng Hóa	9	170,656	40,500	211,156
5	Trường Mầm non tư thục Ước Mơ Xanh, huyện Ngọc Lặc	20	522,722	78,500	601,222
6	Trường Mầm non tư thục Nobel, huyện Thọ Xuân	15	201,552	67,500	269,052
7	Trường Mầm non Nobel Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	15	409,541	67,500	477,041
8	Trường Mầm non tư thục Hoa Hồng, huyện Triệu Sơn	19	205,575	47,500	253,075
	<b>Tổng</b>	<b>120</b>	<b>2.373,543</b>	<b>490,500</b>	<b>2.864,043</b>

STT	Tên trường	Tổng số người được hỗ trợ	Hỗ trợ lương	Hỗ trợ BHXH; BHYT; KPCĐ	Tổng kinh phí
<b>Năm học 2021 - 2022</b>					
1	Trường Mầm non tư thục Họa Mi Delta, huyện Hoàng Hóa	20			
2	Trường Mầm non Delta, Huyện hoàng Hóa	11			
3	Trường Mầm non Camellia, huyện Hoàng Hóa	14			
4	Trường Mầm non tư thục Ước Mơ Xanh, huyện Ngọc Lặc	22			
5	Trường Mầm non tư thục Nobel, huyện Thọ Xuân	14			
6	Trường Mầm non Nobel Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	15			
7	Trường Mầm non tư thục Hoa Hồng, huyện Triệu Sơn	15			
	<b>Tổng</b>	<b>111</b>			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>342</b>	<b>4.672,859</b>	<b>938,500</b>	<b>5.611,359</b>

**Ghi chú:** Năm học 2021 - 2022, Sở Tài chính đang tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách xã hội hóa cho các trường (chưa có số liệu).



**Phụ lục III**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 386/2021/NQ-HĐND**  
**NGÀY 26/4/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số 70/BC-VHXH ngày 07/12/2022*  
*của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)*



STT	Tên trường	Tổng số người được hỗ trợ	Hỗ trợ lương	Hỗ trợ BHXH; BHYT; KPCĐ	Tổng kinh phí
<b>Năm học 2021 - 2022</b>					
1	Trường MN Hồng Phúc, thị xã Nghi Sơn	3			

**Ghi chú:** Năm học 2021 - 2022, Sở Tài chính đang tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách xã hội hóa cho các trường (chưa có số liệu).